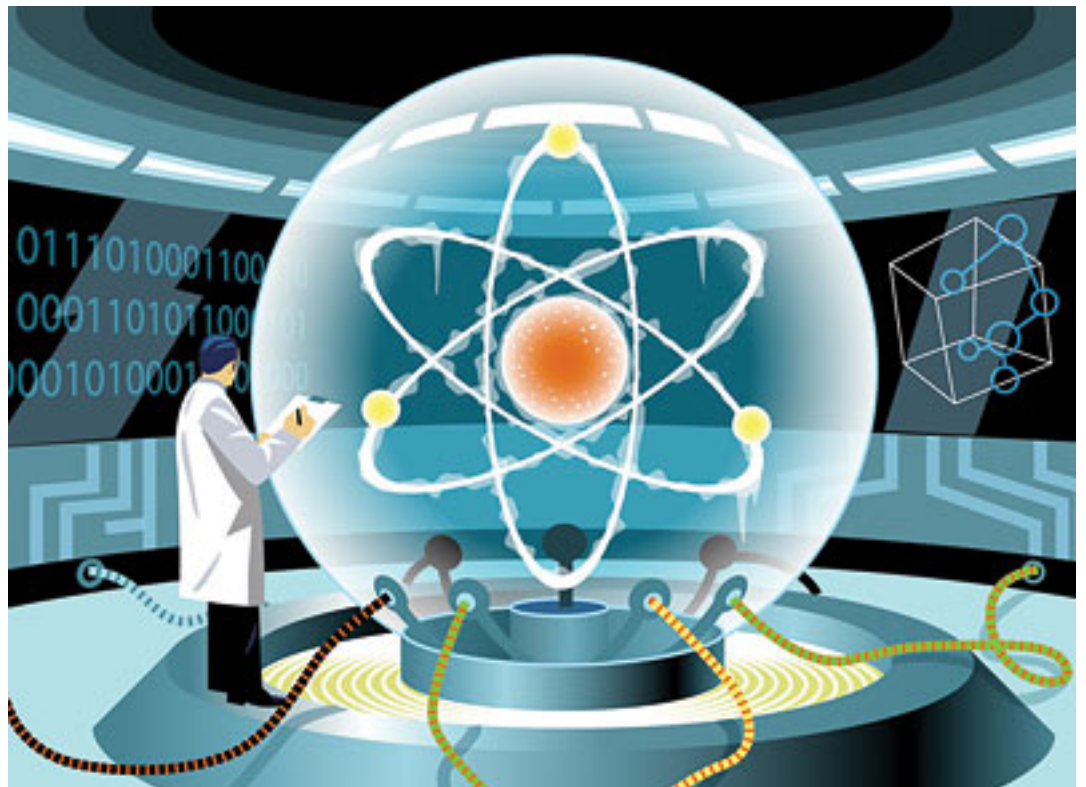


Tôi sao số n phẩm trí tuệ của Việt Nam ít nhẽ vậy?

Lý thuyết già nhẽng làm... không già

Tôi xin kể lại một câu chuyện nhẽ một kỷ niệm nhẽ của mình. Cách đây hơn 40 năm, tôi được cử đi làm thạc sĩ p sinh khoa học (sau đại học) tại Tiệp Khắc. Do “ăn theo” ông thầy, tôi được “ghé tên” vào một báo cáo về Hội nghị quốc tế chuyên ngành đôi ba lần và được đi d cùng ông. ĐSQ biết chuyện này, và trong một Hội nghị các sinh viên tiên tiến, tôi được ông Bí thư th nh t (đã một thời lâu) báo tin tôi được báo cáo điển hình tại “Hội nghị nhẽng lưu học sinh tiên tiến” tại Tiệp.



Già lý thuyết nhẽng không già thực hành

Song báo cáo phải viết trước để ông thông qua (hội đó còn th n l m, không được phát bi u

tự do). Trong báo cáo tôi có kể lại chuyện của mình và rút kinh nghiệm, để khái quát là chúng ta có thể học gì từ những sai lầm sau khi ra trường làm không gì cả. Cùng một công việc, học tập có suy nghĩ và cách giải quyết “sáng” hơn mình, để đạt được hơn mình. Có thể mình “bị” những học viên tìm kiếm lại ra.

Lúc tôi sắp lên đường đến học (cách khoảng 500 km) thì nhận được hai âm “Quan điểm sai, duy tính toán từ dân tộc. Cần không phải đi học nữa”. Tôi bối rối khá lâu vì “quan điểm sai lầm” của mình...

Sau khi hết học tập, tôi vào năm (năm 1971), lúc qua Matxcơva may mắn được cùng phòng với nhà thơ Lưu Trọng Lư, trên chuyến tàu hỏa từ Liên Xô về Việt Nam. Những ngày trên đường, 2 bác cháu nói chuyện với nhau khá nhiều. Khi tôi mang chuyện này ra hỏi, ông hoàn toàn đồng ý. Ông bảo đó cũng là điều ông rút ra từ bản thân mình và các bạn bè thời Pháp.

Chuyện có gì lạ vì cái học của mình, ngày xưa thì tìm kiếm trích cú, sau này thì học “gõ”, lý chăm chỉ, cần cù làm chính nên học “giỏi” là đương nhiên. Sự học là nhọc nhằn. Khi ra làm việc, phải chịu đựng, sáng tạo, phải quyết đoán, cái “yêu” của mình mới thể hiện. Ý kiến đó sau này tôi cũng được giáo sư Nguyễn Thế Cát (đã mất năm 2002) chia sẻ.

Tôi có thể nêu một thí dụ nữa. Anh N.M.N bạn tôi làm ở ngành Đưa chó. Một buổi ngày chuyện trò với nhau, anh tâm sự: Hồi học ở Liên Xô những năm 60, mình học cùng nhóm với thi sinh S.V – người Nga – và thi sinh xuyên phá giúp nó học và làm bài tập. Tập nghĩ mình bằng lòng, nó bằng lòng.

Hơn 10 năm sau, nó sang Việt Nam làm chuyên gia, mình được phân công làm việc cùng với nó. Lúc đầu, cũng bảo: “Chuyên gia gì mà. Mà còn nhếch nhếch lúc tao làm bài mà chửi!”. Những dần dần, mình ngày càng “sợ” nó. Nó nhận được và giải quyết những chuyện chuyên môn mà mình không phải nghĩ tranh cãi với nó nữa mà chỉ đóng vai trò... phiên dịch cho nó mà thôi. Chuyện! Nó ra công tác với đầy đủ điều kiện làm việc, lại bám được một “sếp” có gì, kinh nghiệm đầy mình để học hỏi, trong khi cái để thăm dò của mình, mình là... trùn.

Biết bao nhiêu lý do để có hiện tượng “học gì từ những sai lầm làm không gì cả” và “tây”. Từ cách dạy, cách học ở trường phổ thông, không giỏi mà, không khuyến khích sáng tạo để thi đua đi.

kiến làm việc khi ra trường để phát triển... Việc học giỏi như ông làm không giỏi lắm khi ông ở Việt Nam mình đang học như ông mà lúc nào đó không “bớt” được nữa, có muôn ngàn lý do...

“Cúi trông thiên đất, ngẩng đầu trông trời”

Một dân tộc không thông minh không thể tồn tại và phát triển trôi qua 4000 năm với biết bao nhiêu sự ép mãnh liệt từ bên ngoài. Nội dung của bài này chỉ giới hạn sự thông minh trong ông sáng tạo khoa học công nghệ như chúng ta thường quan niệm.

Có ý kiến cho rằng các nhà khoa học công nghệ Việt Nam ít công trình được công bố chỉ vì không giỏi đăng. Vì quá “biết mình biết người”? Vì ông sợ người, rồi rồi thì thôi đóng cửa? Vì ông ngại bạn? Vì các thí nghiệm của ông còn lâu chưa nên sự đo không được chấp nhận? Vì thành kiến của ông ở nước ngoài đối với khoa học công nghệ VN? Vì chính sách của nhà nước, của ngành của thích hợp? Kinh phí nghèo nàn, đời sống quá khó khăn? Rồi có thể có nhiều lý do làm “trí tuệ VN” của phát huy được, nhưng cũng có nhiều lý do mà các nhà khoa học VN không thể biết mình.

Nói thông minh nhiều hay ít cần phải có dữ kiện chứng cứ thật. “Số lượng của sự thông minh” đối với ông ông lao động trí óc là ông công trình nghiên cứu và hiểu quả của chúng mang lại. Điều quan trọng nhất là cần có sự so sánh để hiểu chúng ta có bao nhiêu “số lượng” loại này và ông nước xung quanh có bao nhiêu.

Số lượng đầu tiên là sự công trình nghiên cứu và triển khai – nói lên bậc tranh vẽ sự thông minh của nhân loại – lên tới hàng triệu bài báo mỗi năm, được công bố trên kho tàng 9.000 tạp chí chuyên môn có uy tín quốc tế. Tôi xin nhắc lại các số liệu mà tôi ghi lại cách đây nhiều năm (Trần Minh Tiến, trên tờ Tia Sáng 2-2004).

Không dám đưa ra bất cứ một nước trung bình nào, tác giả chỉ so sánh 3 nước vào thời điểm năm 1973 có điểm xuất phát gần nhau là Thái Lan, Singapore và Việt Nam, thì đến năm 2000, sự công trình được đăng trên các tạp chí khoa học của ta chỉ bằng của Thái Lan và Singapore năm 1980. Còn hiện nay, Thái nhiều hơn ta đến 5 lần, Singapore nhiều hơn ta 12,5 lần.

Một số liệu khác còn “gây sốc” hơn: Trong 30 năm qua, số lượng các bài báo về y-sinh học của

VN đứng c công b trên các t p chí qu c t trên d i 300 bài, thì c a Malaysia – 2.100 bài (g p 7 n), Thái Lan- 5.210 bài (g p 14 n), Singapore kho ng 7.000 bài (g p 23 n).

N u k t h p c s công trình đã đ c đăng v i s ng i làm công tác khoa h c- công ngh (ta đông h n Thái 5 n) thì “s n ph m trí tu ” tính theo đ u ng i c a ta b ng 1/25 c a Thái (nói nôm na, m t nhà khoa h c c a Thái t o ra “s n ph m trí tu b ng 25 nhà khoa h c Vi t). M t con s th t nghi t ngã!!!. S li u này là c a tr c đây 5 năm. Hi n nay, kho ng cách v các s li u trên ng n i, gi nguyên hay dài h n, tôi ch a có th i gian tìm hi u, song dù sao thì s chênh l ch cũng v n quá n.

Có ý ki n cho r ng các nhà khoa h c công ngh Vi t Nam ít công trình đ c công b ch vì không g i đăng. Vì quá “bi t mình bi t ng i”? Vì nh ng s e ng i, r i r t t th i đóng c a? Vì ngo i ng y u? Vì các thi t b nghi n c u còn l c h u nên s đo không đ c ch p nh n? Vì thành ki n c a ng i n c ngoài đ i v i khoa h c công ngh VN? Vì chính sách c a nhà n c, c a ngành ch a thích h p? Kinh phí nghèo nàn, đ i s ng quá khó khăn? R t có th có nhi u lý do làm “trí tu VN” ch a phát huy đ c, nh ng cũng có nhi u lý do mà các nhà khoa h c VN không th bi n minh.

Tiêu chu n th 2 mang tính th c d ng h n, là các b ng sáng ch phát minh đăng ký trên tr ng qu c t . Đây là nh ng con s t ng k t c a năm 2009 c a T ch c s h u trí tu qu c t WIPO, mà VN là thành viên, th m chí còn đ c khen ng i là “thành viên ho t đ ng hi u qu ”, và cũng xin đ c ch trích nh ng n c trong khu v c.

K t qu có th khi n m t ng i t tr ng “đ b ng m t”: Năm 2009, Singapore đăng ký 493 b ng phát minh, trong t ng s b ng c a h trong kho tàng phát minh c a nhân lo i (cũng tính đ n h t năm 2009) là 4.959 b ng, c a Malaysia t ng ng là 181 và 1.298, c a Thái Lan là 39 và 519, c a Philippin là 25 và 379, c a Indonesia là 18 và 253, c a Vi t Nam là...2 và 14. Đ c nh ng con s y, ng i Vi t nào ch ng th y r ng r ng, “cúi trông th n đ t, ng a trông th n tr i”.

T i sao s n ph m trí tu c a Vi t Nam ít nh v y? M t đ i ngũ hùng h u v i g n 2 tri u ng i làm KHCN, hàng v n th c sĩ, hàng v n ti n sĩ, g n 2.000 GS, g n 6.000 Phó GS và hàng tri u c nhân, k s , trung c p k thu t mà trong m t năm ch đăng ký đ c có 2 phát minh đ c qu c t ch p nh n thôi sao?

Trí thông minh ngòi bút và Vị thế của người viết

Tên: Nguyễn Quốc Tín

Địa chỉ: Hai, 08 Tháng 11 Năm 2010 06:22

Bên báo và phát minh sáng chế của Canada có ghi chú: Sản phẩm sáng chế hàng năm tuy phần lớn là do sáng tạo của người khác đôi khi có thể không chính xác (đúng đây, tôi hy vọng có “lý do chính đáng” để yên tâm). Nhưng cho biết đó là những phát minh lớn, giá trị kinh tế cao song người ta không đăng ký, sáng chế bí quyết sản xuất lớn, làm nên sản phẩm đặc trưng cho mình mới có, các nước khác phải mua vào mình.

Chúng ta có thể thấy, nhưng tôi chưa nghĩ ra là “bí quyết” gì khi ta không đăng ký ?

Cũng có thể mình có những phát minh gì còn “giấu đi để dùng” mà chưa công bố với thế giới chẳng?

Những quan điểm trên đây có thể nông cạn, chủ quan, “tự ti dân tộc” và đáng chú ý ngu ngốc thông tin tiếp cận của chúng ta còn hạn chế. Nhưng mong được sự phân biệt, trao đổi với các bên để, để tìm ra nguyên nhân của những yếu kém, chúng ta có những giải pháp khắc phục để có tính thuyết phục và trí thông minh của người Việt?

Nguyễn Quốc Tín